

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-
ST

Ngày: 31/01/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Đỗ Thị Hương Lan**.

Các Hội thẩm nhân dân: bà **Lê Thị Thu Anh** và bà **Đinh Thanh Hoàn**.

Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Ngọc Lâm** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà **Tạ Thị Huyền** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/HNGĐ - QĐ ngày 25/01/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1984. Nơi cư trú: khu D, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** anh **Đặng Văn P**, sinh năm 1980. Nơi cư trú: khu D, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/9/2023 và bản tự khai nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày như sau:

Chị Hoàng Thị T và anh Đặng Văn P được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận D, thành phố Hải Phòng vào năm 2003. Việc đăng ký kết hôn của chị T và anh P không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị T và anh P chung sống hoà thuận đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh P thường xuyên mắng, chửi,

đánh đập chị; vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trong sinh hoạt; hiện nay chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh P có quan hệ ngoại tình; chị T bắt gặp và báo chính quyền địa phương. Đến nay chị T xác định không còn tình cảm với anh P và cả hai không còn quan tâm đến nhau nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- + Giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn P.

- + Về con chung: vợ chồng chị T và anh P có 02 (hai) con chung là Đặng Bảo N, sinh năm 2004 và Đặng Văn Bảo A, sinh ngày 24/02/2016. Cháu Đặng Bảo N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Đặng Văn Bảo A: 08 tuổi, chị T đồng ý để anh P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo A đến khi đủ tuổi thành niên. Cấp dưỡng nuôi con chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- + Về tài sản chung: không có.

- + Về khoản nợ chung: không có.

Chị Thủy cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn, căn cước công dân, giấy khai sinh, xác nhận thông tin về cư trú ...

- Tại bản tự khai nguyên đơn anh Đặng Văn P trình bày như sau:

Anh Đặng Văn P và chị Hoàng Thị T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận D, thành phố Hải Phòng vào năm 2003. Việc đăng ký kết hôn của anh P và chị T không bị ai ép buộc. Cuộc sống chung vợ, chồng chỉ có mâu thuẫn sinh hoạt, hằng ngày, không có tiếng nói chung. Anh P xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Anh P không đồng ý ly hôn với chị T.

- + Về con chung: vợ chồng anh P và chị T có 02 (hai) con chung là Đặng Bảo N, sinh năm 2004 (20 tuổi, sức khỏe bình thường) và Đặng Văn Bảo A, sinh ngày 24/02/2016 (08 tuổi). Đặng Bảo N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh P yêu cầu được nuôi cháu Đặng Văn Bảo A đến khi đủ tuổi thành niên. Cấp dưỡng nuôi con chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- + Về tài sản chung: không có.

- + Về khoản nợ chung: không có.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên vọng xin ly hôn. Chị T xác định không còn tình cảm với anh P, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, căng thẳng, đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không có sự quan tâm đến nhau, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P để được ổn định cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, khoản nợ, chị vẫn giữ ý kiến như đã trình bày. Ngoài ra chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

*/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Đối với bị đơn là anh Đặng Văn P được đảm bảo các quyền theo đúng quy định Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên anh P không thực hiện nghĩa vụ theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đặng Văn P vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Đặng Văn P và chị Hoàng Thị T.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghị cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đặng Văn P.

+ Về con chung: vợ chồng anh P và chị T có 02 (hai) con chung là Đặng Bảo N, sinh năm 2004 và Đặng Văn Bảo A, sinh ngày 24/02/2016. Cháu Đặng Bảo N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung cháu Đặng Văn Bảo A cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Cấp dưỡng nuôi con chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ Về tài sản và nợ chung: không có nên không đề cập.

+ Về án phí: điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Đặng Văn P có nơi cư trú tại khu D, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh nên chị T khởi kiện ly hôn với anh P tại Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đặng Văn P vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đặng Văn P và chị Hoàng Thị T.

[2] Về nội dung:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị T và anh Đặng Văn P lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 02/7/2003 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận D, thành phố Hải Phòng trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của chị T và anh P: Tài liệu do Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương nơi chị T và anh P1 sinh sống qua biên bản xác minh về nơi cư trú và mâu thuẫn phát sinh tranh chấp trong quan hệ hôn nhân do ông Mạc Văn G - Bí thư chi bộ- Trưởng khu D, phường H, thành phố M ngày 09/01/2024, có nội dung như sau: anh P và chị T sau kết hôn về cư trú sinh sống ổn định tại khu D, phường H, thành phố M (có đăng ký cư trú hợp pháp); hai người có hai con chung. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh P thường xuyên quát mắng, đánh chị T. Vào khoảng năm 2020 anh P ngoại tình bị chị T phát hiện, xảy ra xô sát đánh ghen ảnh hưởng đến khu phố... Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của chị T về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với tài liệu Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương nơi anh chị sinh sống. Xét tình trạng hôn nhân của chị T và anh P không còn duy trì, tồn tại, mâu thuẫn đã trầm trọng không giải quyết khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không chung sống với nhau, đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. *Về con chung*: chị T và anh P có 02 (hai) con chung là Đặng Bảo N, sinh năm 2004 và Đặng Văn Bảo A, sinh ngày 24/02/2016. Cháu Đặng Bảo N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung chưa thành niên là Đặng Văn Bảo A, chị T và anh P đều có yêu cầu để anh P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Do đó giao con chung Đặng Văn Bảo A cho anh P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

2.3. *Về tài sản chung*: Hai đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. *Về khoản nợ*: Hai đương sự xác định trong thời gian sống chung, vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị T và anh P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 khoản 1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị T đối với anh Đặng Văn P.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn P.

2. *Về con chung:* giao con chung Đặng Văn Bảo A, sinh ngày 24/02/2016 cho anh Đặng Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các bên tự thỏa thuận.

- Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn: bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc chăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung và khoản nợ:* các bên đương sự xác nhận trong thời gian sống chung, vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003047 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, anh Đặng Văn P, chị Hoàng Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hương Lan